

Số: /PAS-VTTBYT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động tiêm chủng mở rộng năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, P. Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận báo giá: Nguyễn Huyền Trang
- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng – Phòng Vật tư Thiết bị y tế
- Số điện thoại: 0968 508 280
- Địa chỉ email: trangnh@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ lúc thông tin báo giá được đăng tải thành công đến trước 16 giờ 00 ngày 17 tháng 07 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 17 tháng 07 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa

- Danh mục hàng hóa: Theo Phụ lục I đính kèm.
- Biểu mẫu báo giá để nhà cung cấp tham khảo: Theo Phụ lục II đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa:

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, P. Xuân Hòa,
Tp.Hồ Chí Minh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG VTTBYT**

Lê Việt Hà

Phụ lục I
DANH MỤC HÀNG HÓA

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
1	Bộ kit tách chiết DNA vi khuẩn	Dựa trên phương pháp cột màng lọc silica, sử dụng công nghệ cột ly tâm, không dùng tách chiết hữu cơ và rửa cặn. Ly trích và thu nhận DNA từ mẫu ngoáy họng, máu toàn phần, dịch não tủy, nước tiểu, mô, dịch cơ thể. Lượng DNA thu được tối thiểu 4-12ug cho 200ul mẫu. Sản phẩm ly trích DNA phải đạt hiệu suất cao và độ tinh sạch cao và không tồn dư chất hữu cơ hoặc cặn sau khi tách chiết. Loại bỏ hoàn toàn chất ức chế và tạp nhiễm, đủ chất lượng để giải trình tự WGS. Quy cách 250 test/hộp	Hộp	2
2	Đầu dò gắn huỳnh quang các loại	- Nồng độ tổng hợp: 250nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 6 ODs (hoặc 25 nmol) - Đầu dò cung cấp dưới dạng tinh sạch HPLC và được làm đông khô - Các kênh màu: FAM; HEX; VIC; ROX; JOE; Cy5 - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện (Tối đa không quá 50 nu)	Ống	19
3	Môi các loại	- Nồng độ tổng hợp: 250nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 6 ODs (hoặc 25 nmol) - Môi cung cấp dưới dạng tinh sạch HPLC và được làm đông khô - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện	Nu	1.532
4	Bộ kit Mastermix realtime PCR	Tương thích với hệ máy: 7500 System, BioRad iCycler iQ, BioRad iQ5, Stratagene Mx4000, MJ Chromo4, MJ Opticon, Stratagene Mx3000P, Stratagene Mx3005P, Cepheid SmartCycler, BioRad MyiQ. Có UDG và dUTP giúp ngăn chặn nhiễm chéo trong quá trình khuếch đại Quy cách 500 phản ứng/hộp	Hộp	2
5	Bộ kit Master Mix realtime PCR (không có ROX)	- Sử dụng nồng độ 2X hoặc 5X để khuếch đại các mẫu DNA được chiết xuất từ các mẫu môi trường, mô thực vật hoặc mô động vật - Không chứa hợp chất carboxy-X-rhodamine (ROX) - Thành phần: Dung dịch đệm phản ứng chứa MgCl ₂ , dNTPs (dATP, dCTP, dGTP, dTTP), AccuStart II Taq DNA polymerase, chất ổn định cho enzyme. Không chứa chất nền ROX Quy cách 250 test/hộp	Hộp	4
6	Bộ kit Master Mix realtime PCT (ROX thấp)	- Sử dụng nồng độ 2X hoặc 5X để khuếch đại các mẫu DNA được chiết xuất từ các mẫu môi trường, mô thực vật hoặc mô động vật - Không chứa hợp chất carboxy-X-rhodamine (ROX) - Thành phần: Dung dịch đệm phản ứng chứa MgCl ₂ , dNTPs (dATP, dCTP, dGTP, dTTP), AccuStart II Taq DNA polymerase, chất ổn định cho enzyme. Chứa chất nền ROX nồng độ thấp Quy cách 1.250 test/hộp	Hộp	1

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
7	Dung dịch Ethanol tuyệt đối	Độ tinh khiết: $\geq 99,9\%$ Quy cách 1 lít/chai	Chai	2
8	Cồn y tế 90 độ	Cồn dùng trong lĩnh vực y tế Nồng độ: Ethanol 90% Quy cách 30 lít/chai	Chai	1
9	Khí CO2	Độ tinh khiết $> 99,8\%$ Quy cách 25 kg/bình	Bình	4
10	Môi trường Muller Hinton Agar (MH)	Môi trường để kiểm tra tính nhạy cảm với kháng sinh bằng kỹ thuật khuếch tán đĩa, theo CLSI và EUCAST. - Thành phần (g/l): Beef Extract 2,0; Acid Hydrolysate of Casein 17,5; Starch 1,5; Agar 17,0; pH cuối cùng $7,3 \pm 0,2$ ở 25°C - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE Quy cách 20 đĩa/hộp	Hộp	1
11	Kit định danh xác định vi khuẩn Gram dương	- Định danh những vi khuẩn Gram dương bằng máy định danh Vitek 2 (MSKK: 8097) - Quy cách 20 test/hộp	Hộp	1
12	Mic test các loại	MIC Strip là dải giấy được ngâm tẩm với một gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh, gồm có 15 nồng độ pha loãng và đánh dấu ở cả hai bên của MIC Strip. Thử nghiệm MIC được dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của các tác nhân kháng khuẩn chống lại vi sinh vật, phát hiện các cơ chế đề kháng - Đạt chuẩn CLSI/EUCAST - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, Chứng nhận CE tuân thủ quy định IVDR (EU) 2017/746 được cấp bởi Tổ chức chứng nhận - Đóng gói: 30 test/hộp	Hộp	10
13	Môi trường Columbia Agar Base	- Thành phần (g/l): Peptospecial 23,0; Starch 1,0; Sodium Chloride 5,0; Agar 14,0; pH $7,3 \pm 0,2$ ở 25°C . - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE - Quy cách 500g/chai	Chai	2
14	Môi trường Hoyle agar	Thành phần bao gồm dịch chiết pepton từ mô động vật 10g, dịch chiết bò 10g, sodium chloride 5g, Agar 15g. pH 7,8 ở 25°C . Đóng gói 500g/chai	Chai	1
15	Máu cừu	Máu cừu dùng trong pha chế các loại môi trường nuôi cấy vi khuẩn như: Blood agar, Mueller Hinton Blood agar, Chocolate agar... - Máu cừu đã được tách sợi huyết bằng bi. - Đã được kiểm tra vô khuẩn. - Tỷ lệ hồng cầu cừu $>50\%$ - Không có kháng sinh. - Không sử dụng chất chống đông - Không có chất bảo quản. - Bảo quản $2 - 8^{\circ}\text{C}$ Đóng gói: 100 mL/chai	Chai	15

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
16	Giấy lau kính hiển vi	Kích thước 11 x 21,3 cm Quy cách 280 tờ/hộp	Hộp	4
17	Đĩa petri nhựa 90mm	Chất liệu: nhựa Polystyrene Được tiệt trùng bằng tia gamma Kích thước: 90x15 mm Quy cách 20 cái/gói	Gói	100
18	Micropipette cơ 8 kênh 10-100 uL	- Loại 8 kênh 10-100 ul, có thể thay đổi thể tích hút, sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 8655-6 - Có thể hấp tiệt trùng, kháng UV và không cần hiệu chuẩn lại sau tiệt trùng - Có công tắc khoá thể tích hút - Màn hình cài đặt thể tích 4 chữ số - Được làm từ vật liệu chịu lực và chịu ăn mòn. Đầu gắn tip bằng nhựa PVDF có độ bền cao. - Piston có hỗ trợ nam châm, hỗ trợ lực khi thao tác - Bước tăng giảm 0,1uL - Độ chính xác 0,8 – 3%. - Độ lặp lại 0,3 – 2%	Cái	1
19	Micropipette cơ 8 kênh 30-300 uL	- Loại 8 kênh 30-300 ul, có thể thay đổi thể tích hút, sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 8655-6,... - Có thể hấp tiệt trùng, kháng UV và không cần hiệu chuẩn lại sau tiệt trùng - Có công tắc khoá thể tích hút - Màn hình cài đặt thể tích 4 chữ số - Được làm từ vật liệu chịu lực và chịu ăn mòn. Đầu gắn tip bằng nhựa PVDF có độ bền cao. - Piston có hỗ trợ nam châm, hỗ trợ lực khi thao tác - Bước tăng giảm 0,2uL - Độ chính xác 0,6 – 3%. Độ lặp lại 0,3 – 1%.	Cái	2
20	Bộ kit Multiplex master mix qPCR	- Tương thích với hệ máy: Applied Biosystems 7500, Applied Biosystems 7500 Fast, Applied Biosystems QuantStudio - Có khả năng trung hòa các chất ức chế phản ứng PCR từ nhiều loại mẫu: thực vật, mô động vật, thực phẩm, mẫu lâm sàng người. - Có thể thực hiện phản ứng trực tiếp từ mẫu: dịch não tủy, dịch màng phổi,... mà không cần phải tách DNA trước. - Quy cách 200 test/hộp	Hộp	2
21	Đầu côn có lọc 10µl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	Thùng	13
22	Đầu côn có lọc 30µl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase	Thùng	7

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng		
23	Đầu côn có lọc 100 μ l	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	Thùng	5
24	Đầu côn có lọc 200 μ l	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	Thùng	8
25	Đầu côn có lọc 1200 μ l	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	Thùng	2
26	Ống ly tâm 0,5ml	Không chứa DNase, RNase Có vạch chia thể tích Có thể hấp tiệt trùng Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001 Quy cách đóng gói 500 cái/túi	Túi	5
27	Ống nghiệm nhựa PS 5ml có nắp vô trùng	Thành phần: thân ống nhựa PS, có nắp Thành ống chịu được lực quay ly tâm đến 5000 RPM. Được sản xuất và đóng gói trong phòng sạch cấp độ ISO5, theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, ISO 13485:2003	Cái	300
28	Dây 8 giếng 0,2 ml kèm nắp cho Realtime PCR	- Dùng cho máy QuantStudio 7 Pro - Dài 8 ống PCR, có nắp quang học đi kèm. - Nắp góc cung cấp khả năng định vị dải ống hiệu quả trong giá đỡ và khối chu trình nhiệt - Ghi nhãn chữ AH khắc trên các ống riêng lẻ có thể nhìn thấy khi mở hoặc đóng nắp - Tăng diện tích ghi nhãn: các tab đầu kép để dán nhãn thích hợp và dễ dàng xử lý - Các điểm đánh dấu đo chia độ 20 μ L trên mỗi ống để xác minh - Chiều cao tiêu chuẩn: 20,70 mm - Quy cách 125 strip/hộp	Hộp	3
29	Đĩa thạch máu Columbia đổ sẵn	Môi trường dạng đĩa, thành phần trong 1 lít môi trường như sau (g/l): - Pancreatic Digest of Casein 12,0 - Starch 1,0 - Peptic Digest of Animal Tissue 5,0 - Sodium Chloride 5,0 - Yeast Extract 3,0 - Beef Extract 3,0 - Sheep Blood Defibrinated 50,0 ml	Hộp	25

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		- Agar 10,0 - 14,0 - pH 7,3 ± 0,2 - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE" - Đóng gói: 20 đĩa/hộp		
30	Đĩa thạch máu MH đỏ sẵn	Môi trường Muller Hinton bổ sung 5% máu cừu đỏ sẵn. Thành phần môi trường trong 1L Beef dehydrated infusion from 300,0 Casein hydrolysate 17,5 Starch 1,5 Agar 17,0 pH 7,4 ± 0,2 Màu đỏ Trọng lượng 1 đĩa 26,0 ± 0,5g Đóng gói: 20 đĩa/hộp	Hộp	25
31	Môi trường CHOCOLATE AGAR	- Thành phần (g/l): Enzymatic Digest of Casein 7,5; Enzymatic Digest of Animal Tissues 7,5; Corn Starch 1,0; Dipotassium Phosphate 4,0; Monopotassium Phosphate 1,0; Sodium Chloride 5,0; Agar 17,0; Defibrinated Horse Blood 50,0 ml Vitalex Growth Supplement 10,0 ml; Final pH 7,2 ± 0,2 at 25°C. - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE" - Đóng gói: 20 đĩa/hộp	Hộp	10
32	Môi trường bột Regan-Lowe Charcoal Agar Base	Thành phần trong 1L môi trường Beef Extract.....10,0 g Pancreatic Digest of Casein..... 10,0 g Soluble Starch..... 10,0 g Sodium Chloride.... 5,0 g Charcoal..... 4,0 g Niacin..... 0,01 g Agar..... 12,0 g Quy cách 500 gram/chai	Chai	1
33	Máng đựng hóa chất vô trùng 50 mL	Chất liệu: polystyrene Thể tích chứa 50mL Đáy hình chữ V Quy cách 5 cái/túi	Túi	200
34	Que cấy 10 ul	Chất liệu Polystyrene Đã được tiệt trùng bằng tia Gamma Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA Quy cách 25 que/túi	Túi	160
35	Que cấy 1ul	Chất liệu Polystyrene Đã được tiệt trùng bằng tia Gamma Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA Quy cách 25 que/túi	Túi	80
36	Kháng sinh bột Cephalexin	Nhóm: Cephalosporin thế hệ 1 (β-lactam) Khối lượng phân tử: 347.39 g/mol (dạng khan) Dạng: bột pKa: 7,3 và 5,2	Hộp	1

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		Cấu trúc: β -lactam Quy cách 25g/hộp		
37	Que gòn lấy mẫu cán nhựa	Chất liệu gòn từ 100% bông tự nhiên Chiều dài tăm bông: 150 ± 2 mm; Đầu thu mẫu dài 20 ± 2 mm Đóng gói tiệt trùng 5 cái/túi	Túi	800
38	Thiết bị trợ pipet cầm tay	- Công suất 1.100 mAh/3,7 V - Thời gian sử dụng pin khoảng 6 giờ - Thời gian sạc đầy pin: 2 - 3 giờ - Dễ dàng tháo lắp đầu cone để thay màng lọc - Sử dụng cho pipette nhựa hoặc thủy tinh có thể tích từ 0,1-100ml	Cái	1
39	Giấy đo pH	Dạng cuộn, có kèm bảng màu để so sánh Kích thước: dài 4,8 - 5 mét Khoảng đo pH: 1-14 Quy cách đóng gói 3 cuộn/hộp	Hộp	1
40	Môi trường Columbia C.N.A. Agar Base +5% máu cừu	Môi trường chuẩn bị sẵn, thành phần như sau: Peptospecial 23,0 Starch 1,000 Sodium chloride 5,000 Colistin sulphate 0,010 Nalidixic acid 0,015 Agar 14 - 15 Sheep Blood Defibrinated 50,0 ml Quy cách 20 đĩa/hộp	Hộp	10
41	Giá để ống nghiệm 1,5ml	Gồm 40-48 vị trí có khóa chân Chất liệu nhựa khối	Cái	10
42	Giá đựng ống hút nam châm 24 vị trí	Thể tích làm việc: 0,2 μ L Có 24 lỗ cho ống 0,2 mL tiêu chuẩn	Cái	1
43	Ống trữ lạnh tiệt trùng 1,8ml	Chịu nhiệt lên tới -86°C Thể tích 1,8-2 ml Kích thước: 12,5 x 48 mm Đáy tròn Nắp xoắn ngoài Vô trùng, không chứa nội độc tố Quy cách 50 cái/gói	Gói	30
44	Dung dịch đệm TE	Lọc qua màng 0,2 μ m Không có hoạt tính của các endonuclease không đặc hiệu, exonuclease và RNase. Thành phần: 10 mM Tris (Tris-HCl) và 1 mM EDTA pH: 8,0 Quy cách 500ml/chai	Chai	1
45	Kit tách chiết RNA vi rút	Bộ kit tách chiết RNA virus từ mẫu dịch cơ thể như huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Hiệu suất thu hồi RNA virus hơn 90%	Hộp	4

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		<p>Công nghệ màng silica phân lập RNA virus từ 20 - 40 phút</p> <p>Thành phần:</p> <p>250 cột có gắn màng silica</p> <p>Dung dịch ly giải</p> <p>Ống thu thập (2 ml)</p> <p>Chất mang gắn kết với RNA</p> <p>Chất đệm rửa</p> <p>Dung dịch thu nhận acid nucleic không có RNase, chứa 0,04% Sodium Azide</p> <p>Quy cách: 250 test/hộp</p>		
46	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thế hệ 3	<p>Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA tổng hoặc mRNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng</p> <p>Enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA ở nhiệt độ từ 42 độ C – 60 độ C</p> <p>Enzyme khuếch đại DNA sử dụng cơ chế "hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng</p> <p>Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1µg RNA tổng số</p> <p>Ứng dụng: Biểu hiện gen, giám sát các bệnh truyền nhiễm</p> <p>Thành phần bộ kit bao gồm Enzyme, Reaction Mix, Magnesium sulfate (50mM), Rox reference Dye (25 µM).</p> <p>Thể tích chuẩn của phản ứng: 50 µl</p> <p>Đóng gói 500 test/hộp</p>	Hộp	2
47	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thế hệ 3	<p>Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA tổng hoặc mRNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng</p> <p>Enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA ở nhiệt độ từ 42 độ C – 60 độ C</p> <p>Enzyme khuếch đại DNA sử dụng cơ chế "hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng</p> <p>Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1µg RNA tổng số</p> <p>Ứng dụng: Biểu hiện gen, giám sát các bệnh truyền nhiễm</p> <p>Thành phần bộ kit bao gồm Enzyme, Reaction Mix, Magnesium sulfate (50mM), Rox reference Dye (25 µM).</p> <p>Thể tích chuẩn của phản ứng: 50 µl</p> <p>Đóng gói 100 test/hộp</p>	Hộp	1
48	Môi trường nuôi cấy tế bào DMEM nồng độ glucose cao	<p>Dung dịch nuôi cấy tế bào.</p> <p>Thành phần: Glucose: 4.500 mg/lit, Phenol Red 15 mg/l, L - Glutamine 584 mg/l, Sodium bicarbonate 3,7 g/l</p> <p>Tiệt trùng: Lọc vô trùng</p> <p>Loại tế bào: Nguyên bào sợi sơ cấp, Noron, Tế bào thần kinh đệm, HUVEC, Tế bào cơ trơn Không có nguồn gốc động vật</p> <p>Không chứa: Sodium pyruvate, Hepes</p> <p>Đóng gói: 500 ml/chai</p>	chai	5
49	Dung dịch kháng nấm Amphotericin B	<p>Thành phần: 250µg amphotericin B và 205µg sodium deoxycholate</p> <p>Nồng độ 0,25 – 2,50 µg/mL</p> <p>Đã được xử lý vô trùng</p>	chai	2

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		Có tác dụng ngăn chặn nhiễm trong nuôi cấy tế bào Độ thẩm thấu: 0-100 mOsm/kg, pH: 7 -14 Đóng gói: 50 mL/Chai		
50	Dung dịch kháng sinh Geneticin	Nồng độ: 50 mg/mL Sử dụng phương pháp lọc vô trùng Nồng độ từ 100–200 µg/mL đối với vi khuẩn, hoặc 200–500 µg/mL đối với hầu hết các tế bào động vật có vú Quy cách: 100ml/chai	chai	1
51	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	Thành phần: huyết thanh bào thai bê Mức nội độc tố ≤ 5 EU / mL Nồng độ Hemoglobin ≤ 15 mg/dL Bovine Gamma Globulin: Bovine Độ thẩm thấu: 280 - 340 mOsm/kg H ₂ O pH: 7-8 Gamma Globulin ≤ 500 mg/L Protein tổng: 30,0 - 45,0 mg/L Không có vi khuẩn và nấm, Bluetongue Virus, Bovine Adenovirus, Bovine Parvovirus, Reovirus, Rabies Virus Phương pháp khử trùng: tối thiểu ba lần lọc 0,1 µm Dùng trong nuôi cấy tế bào Đóng gói: 500ml/chai	Chai	3
52	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	Nồng độ: 100X Đã lọc vô trùng Áp suất thẩm thấu: 310 - 350 mOsm/kg pH: 4,0 - 7,0 Thành phần: 10.000 units/mL penicillin nguồn gốc Penicillium và 10.000 µg/mL streptomycin nguồn gốc Streptomyces griseus Có phổ tác dụng đối với vi khuẩn gram âm và gram dương Đóng gói: 100ml/chai	Chai	3
53	Dung dịch Hepes	Đệm hóa chất hữu cơ lưỡng cực Nồng độ: 1M Công thức: N-2-Hydroxyethylpiperazine-N-2-Ethane Sulfonic Acid Sử dụng pha môi trường nuôi cấy tế bào Dạng lỏng Giá trị pH 7,0 – 7,5 Đã được lọc vô trùng Lượng sử dụng khuyến cáo 10–25 mM Áp suất thẩm thấu: 1450 - 1800 mOsm/kg H ₂ O Đóng gói: 100ml/chai	Chai	3
54	Dung dịch Sodium bicarbonate 7,5%	Nồng độ: 7,5% Loại sản phẩm: Bổ sung Đã được lọc vô trùng Giá trị pH: 8,3 Độ thẩm thấu (1300 - 1600 mOsm/kg), pH (7,9 - 8,3) Đóng gói: 100 mL/chai	Chai	5

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
55	Dung dịch PBS (Phosphate-Buffered Saline)	Nồng độ: 1X Độ thẩm thấu: 280 - 315 mOsm/kg Không có Canxi, Magiê, Phenol Red, Natri Pyruvate Giá trị pH: 7,4 Yêu cầu quy cách đóng gói 500 ml/Chai	Chai	2
56	Dung dịch Trypsin-EDTA 10X	Nồng độ: 10 X Độ thẩm thấu: 280 - 340 mOsm/kg Phạm vi pH: 7,1 – 8,0 Không chứa: Phenol Red Tiệt trùng: lọc vô trùng Tiêu chí kiểm tra: pH, độ thẩm thấu, độ vô trùng và hiệu suất. Nguyên liệu thô được chiếu xạ chùm tia điện tử và các tiền chất được kiểm tra nội độc tố, PPV, PCV 1/2, mycoplasma, vi khuẩn, nấm và nhiễm vi-rút. Thành phần: Sodium Chloride 8.500 mg/l, EDTA 4Na 2H ₂ O 2.000 mg/l, Trypsin 5.000 mg/l Quy cách: 100 mL/chai	Chai	1
57	Dung dịch DMSO	Độ tinh khiết ≥99% Áp suất hóa hơi: 0,42 mmHg (20°C) Quy cách 100ml/chai	Chai	1
58	Dung dịch Bovine serum Albumin Fraction V (7,5%)	Nồng độ: 7,5 g/100 ml Giá trị pH : 6-8 Xác định Mycoplasma bằng qPCR: Âm tính Độ thẩm thấu: 305 - 370 mOsm/kg Protein tổng: 6,80 - 8,80 g/dL Pha trong phosphate-buffered saline Quy cách 100ml/chai	Chai	2
59	Kit Sởi IgM	Xét nghiệm miễn dịch định tính và định lượng để phát hiện kháng thể IgM của người đặc hiệu với Virus Sởi trong huyết thanh hoặc huyết tương. Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Tổng thời gian ủ: 120 phút Đọc kết quả ở bước sóng 405nm/620-690nm Độ nhạy: 98,9% Độ đặc hiệu: > 99% Độ lặp lại CV (%): 1,9-2,8 Khoảng Đo: 5 - 800 U/ml Giới hạn Định lượng: 5 U/ml Không xuất hiện hiệu ứng hook. Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin. Cần xử lý mẫu với chất hấp thụ các yếu tố dạng thấp trước khi xác định IgM Quy cách đóng gói: 96 test/hộp	Hộp	5
60	Kit Rubella IgM	Xét nghiệm miễn dịch định tính và định lượng để phát hiện các kháng thể IgM của người đặc hiệu với Virus Rubella trong huyết thanh hoặc	Hộp	5

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		<p>huyết tương. Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Tổng thời gian ủ: 120 phút Đọc kết quả ở bước sóng 405nm/620-690nm Độ nhạy: >99% Độ đặc hiệu: 96,8% Độ lặp lại CV (%): 2,4-2,9 Khoảng Đo: 2 - 120 U/ml Giới hạn Định lượng: 2 U/ml Không xuất hiện hiệu ứng hook. Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin Cần xử lý mẫu với chất hấp thụ các yếu tố dạng thấp trước khi xác định IgM Không xuất hiện hiệu ứng hook. Quy cách đóng gói: 96 test/hộp</p>		
61	Yếu tố khử thấp	<p>Hóa chất sử dụng để loại bỏ các yếu tố dạng thấp IgM khỏi mẫu huyết thanh, huyết tương và dịch não tủy (CSF) trước khi tiến hành xét nghiệm tìm kháng thể IgM đặc hiệu với tác nhân gây bệnh bằng phương pháp ELISA gián tiếp Thành phần: Chế phẩm kháng thể IgG người được xử lý từ huyết thanh dê, bảo quản trong Sodium Azide < 0,1% Quy cách 20ml//chai</p>	Chai	10
62	Bộ kit chạy RT-PCR một bước	<p>Kit chạy RT-PCR 1 bước, chuẩn bị phản ứng bằng 1 ống Có thể hoạt động với nồng độ RNA từ 1pg-2µg Hỗn hợp Sensiscript và Omniscript Reverse Transcriptases, HotStarTaq DNA Polymerase, OneStep RT-PCR Buffer, hỗn hợp dNTP và Q-Solution cho phép khuếch đại các mẫu có hàm lượng GC cao hoặc mức độ cao của cấu trúc thứ cấp (ví dụ: các mẫu giàu GC) Thành phần (đủ cho 100 phản ứng): Hỗn hợp Enzyme (1 x 200 µl), Dung dịch đệm 5x 1 bước RT-PCR (1 x 1,15 ml), Hỗn hợp dNTP (1 x 200 µl, 10 mM mỗi loại), Dung dịch Q 5x (1 x 2 ml), Nước không chứa RNase (2 x 1,9 ml) Quy cách 100 test/hộp</p>	Hộp	11
63	Hóa chất tinh sạch các sản phẩm PCR	<p>Hiệu suất thu hồi ≥95% Làm sạch DNA tới 10kb qua 3 bước Tinh sạch các sản phẩm PCR >100 bp dựa trên màng silica Thành phần: cột silica, Dung dịch đệm, Ống đựng mẫu 2ml Quy cách 250 test/hộp</p>	Hộp	2
64	Bộ kit chuyên dụng để loại bỏ các dye terminator	<p>Bộ kit chuyên dụng để loại bỏ các dye terminator chưa phản ứng trong các phản ứng giải trình tự DNA, đặc biệt phù hợp với phương pháp Sanger sequencing Dung tích mẫu đầu vào: 10–20 µl Thể tích rửa giải: 10–20 µl Định dạng: Cột ly tâm (spin column) kèm ống thu 2 ml</p>	Hộp	1

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		Loại bỏ hiệu quả: Dye terminator chưa phản ứng, bao gồm các đoạn <10 mers và 17–40 mers Quy cách 250 test/hộp		
65	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	Loại không tiết trùng Nắp bật, có vạch chia thể tích Thể tích làm việc: 1,5ml Vật liệu: polypropylene, đáy hình nón Không chứa DNase/Rnase Nhiệt độ làm việc từ -80°C to +121°C Quy cách: 500 cái/gói	Gói	29
66	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	Thể tích làm việc: 0,1ml Chất liệu nhựa Polypropylen, có barcode Quy cách: 20 cái/túi	Cái	20
67	Đĩa PCR 96 giếng có mã vạch	Thể tích làm việc: 0,1ml Đĩa PCR 96 giếng màu trắng, polypropylene, có mã vạch, tương thích máy Real-time PCR 96 giếng (phù hợp hệ thống LightCycler 480) Quy cách 50 plates/hộp	Hộp	2
68	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	Chất liệu Polyester Quy cách: 100 miếng/hộp	Hộp	2
69	Đầu côn có lọc 20µl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	Thùng	1
70	Đầu côn có lọc 50µl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	Thùng	5
71	Đầu côn có lọc 1000µl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	Thùng	4
72	Đầu côn không lọc có khóa 200 µl	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường Quy cách 1000 cái/túi	Túi	12
73	Đầu côn không lọc có khóa 1000 µl	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNase, RNase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường Quy cách 500 cái/túi	Túi	3

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
74	Đầu côn không lọc 1200µl	Phù hợp với Pipetman M_P8X1200M Có chia vạch Vật liệu: polypropylene Quy cách 960 cái/thùng	Thùng	6
75	Hộp lưu mẫu 100 chỗ	Hộp 100 vị trí (10x10) Chất liệu: polycarbonate, chịu được hóa chất Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần Có đánh dấu dạng lưới Tương thích với các microtube 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và các ống lưu mẫu Chịu được nhiệt độ từ -196 độ C đến 121 độ C	Cái	50
76	Ống trữ lạnh tiệt trùng 2 ml nắp vận	- Ống trữ lạnh tiệt trùng tự đứng 2ml có nhãn viết - Chịu được nhiệt độ từ - 80°C đến 121°C - Chất liệu polypropylene; - Nắp vận ngoài, có ron - Không chứa DNase, Rnase Quy cách 500 cái/gói	Gói	3
77	Pipet nhựa 5ml	Thể tích sử dụng: 5 ml Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích $\pm 1\%$ Có vạch chia Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa RNase và DNase, không chứa DNA người, không gây độc tế bào và không chứa nội độc tố Đã tiệt trùng bằng chùm tia điện tử (e-beam) đạt SAL 10, đóng gói từng cái Quy cách 200 cái/thùng	Thùng	4
78	Pipet nhựa 10ml	Thể tích sử dụng: 10 ml Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích $\pm 1\%$ Có vạch chia Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa RNase và DNase, không chứa DNA người, không gây độc tế bào và không chứa nội độc tố Đã tiệt trùng bằng chùm tia điện tử (e-beam) đạt SAL 10, đóng gói từng cái Quy cách 200 cái/thùng	Thùng	4
79	Chai nuôi cấy tế bào 75cm ² có lọc	- Diện tích nuôi cấy: 75cm ² - Chất liệu: Polystyrene - Kiểu chai: chữ U, nắp màu cam - Xử lý bề mặt TC giúp tế bào bám dính tối ưu - Thể tích trung bình: 15 - 22,5 mL - Tiệt trùng bằng tia gamma và không chứa nội độc tố - Đạt chứng chỉ ISO 13485	Thùng	2

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		Tiệt trùng bằng tia gamma Quy cách: 5 chai/túi, 100 chai/thùng		
80	Găng tay nitrile không bột	Chất liệu: 100% nitrile Hàm lượng độ bột: Tối đa 2mg/găng Màu: Trắng hoặc xanh Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng Quy cách 50 đôi/ hộp	Hộp	80
81	Găng tay không bột	- Nguyên liệu: cao su tự nhiên - Dùng được cho cả 2 tay, có viền cổ tay - Hàm lượng bột: ≤ 2 mg/găng tay - Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng - Quy cách 50 đôi/ hộp	Hộp	44
82	Khẩu trang y tế 4 lớp	Gồm 04 lớp bảo vệ ngăn chặn bụi, vi khuẩn Quy cách 50 cái/hộp	Hộp	31
83	Agarose	Ứng dụng: phân tách các đoạn DNA, RNA và PCR; Thu hồi các đoạn DNA, RNA và PCR; Phân tích bằng kỹ thuật Southern và Northern blotting; Phân tích miễn dịch khuếch tán xuyên tâm (RID) và Ouchterlony Không có hoạt tính DNase, RNase Dạng bột trắng. Độ bền gel (1%): $\geq 1.200\text{g/cm}^2$ Nhiệt độ gelatin hóa (1,5%): ≤ 36 độ C Điểm nóng chảy (1,5%): ≥ 90 độ C Phạm vi phân tách: 100 bp đến >30 k Tiêu chí đánh giá: hình thức, độ ẩm, độ bền gel, nhiệt độ tạo gel, nhiệt độ nóng chảy, hàm lượng sulfat, thẩm thấu điện và hoạt động DNase/RNase. Đóng gói: 100 gram/chai	Chai	1
84	Dung dịch TBE 10X	Được sử dụng để chạy điện di DNA trên gel polyacrylamide và agarose Nồng độ 10X Đã được lọc vô trùng, gồm 1 M Tris, 0,9 M axit boric và 0,01 M EDTA được sử dụng để chuẩn bị buffer 1X cho điện di polyacrylamide và gel agarose Không có DNase, RNase và Protease. pH: 8,30 - 8,50 Độ dẫn điện: 3,4 - 3,8 Không phát hiện: Ribonuclease, Deoxyribonuclease, Protease Đóng gói: 1L/chai	Chai	2
85	Thang điện di 1kb DNA	Nồng độ: 0,5 $\mu\text{g}/\mu\text{l}$ Số lượng phản ứng: 500 phản ứng Dùng để xác định kích thước từ 100 bp to 15.000 bp Gồm 18 vạch thang riêng biệt, có dải tham chiếu tại 1500 bp Yêu cầu quy cách đóng gói 500 μl /bộ	Bộ	1

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
86	Thang điện di 100 bp DNA	Nồng độ: 0,5 µg/µl Số lượng phản ứng: 100 phản ứng Kích thước đoạn phân tách: 0,1 - 2 kb Tối thiểu 13 vạch thang riêng biệt, có các dải tham chiếu tại 2.000, 1.500 và 600 bp Yêu cầu quy cách đóng gói 100µl/bộ	Bộ	2
87	Môi trường EMEM (Eagle's Minimum Essential Medium)	Đã được xử lý vô trùng bằng phương pháp lọc Dạng bột Không có Sodium Bicarbonat, Sodium Pyruvate, HEPES Không có nguồn gốc động vật Có chứa: nồng độ Glucose thấp (1000 mg/L), Glutamine (292 mg/L), Phenol red (10 mg/L) Yêu cầu quy cách đóng gói pha được 10 lít/hộp	Hộp	2
88	Dung dịch Trypsin-EDTA 1X	Nồng độ: 1X Vô trùng: Lọc vô trùng Phạm vi pH: 7,2 - 8,0 Độ thẩm thấu: 270 - 320 mOsm/kg Loại tế bào: Tế bào động vật có vú Có Phenol Red (10 mg/L), EDTA (2500 mg/L), EDTA 4Na 2H2O (380 mg/L) Nguồn gốc động vật Nguyên liệu thô được chiếu xạ chùm tia điện tử và các tiền chất được kiểm tra nội độc tố, PPV, PCV 1/2, mycoplasma, vi khuẩn, nấm và nhiễm vi-rút. Quy cách 100ml/chai	Chai	2
89	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	Nồng độ: 100X Đã lọc vô trùng Áp suất thẩm thấu: 310 - 350 mOsm/kg pH: 4,0 - 7,0 Thành phần: 10.000 units/mL penicillin nguồn gốc Penicillium và 10.000 µg/mL streptomycin nguồn gốc Streptomyces griseus Có phổ tác dụng đối với vi khuẩn gram âm và gram dương Đóng gói: 100ml/chai	Chai	2
90	Dung dịch L-Glutamine	Nồng độ: 200 mM, 100X Trong suốt, đã lọc vô trùng, không có Phenol red Giá trị pH: 5-6 Nồng độ tối ưu từ 2-6 mM Độ thẩm thấu (440 - 500 mOsm/kg) Đóng gói: 100ml/chai	Chai	2
91	Kit ức chế phổ rộng các RNase tái tổ hợp	Các dạng gốc, tái tổ hợp và chống oxy hóa có sẵn Không ức chế SP6, T7 hoặc T3 RNA Polymerase Sử dụng trong nhiều xét nghiệm tiếp theo: Ức chế phổ rộng RNase của sinh vật nhân thực trong khoảng pH rộng (pH 5-8) Ức chế RNase A, B và C cũng như RNase nhau thai người	Bộ	1

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		Sử dụng để phân lập RNA, RT-PCR Quy cách đóng gói 10.000U/bộ		
92	Bộ kit chạy realtime RT-PCR một bước	- Không bị ảnh hưởng bởi các chất ức chế thông thường bao gồm polysaccharides, heme/hemoglobin, axit humic, melanin - Sẵn sàng sử dụng - Dùng để định lượng RNA virus hoặc RNA mục tiêu - Hỗn hợp phản ứng 2x bao gồm: + dATP, dCTP, dGTP, dTTP, MgCl ₂ + Enzyme phiên mã ngược + RNase inhibitor protein + hot-start DNA polymerase + Chất nhuộm và chất ổn định Quy cách: 500 test/hộp	Hộp	2
93	Enzyme phiên mã ngược	Là phiên bản biến đổi gen của enzyme MMLV (RT), giảm hoạt động RNase H, tăng thời gian bán hủy và độ ổn định nhiệt. Nồng độ: 200 U/μl Kích thước sản phẩm cuối cùng: 12,3 kb Đã loại bỏ hoạt động của Enzyme Ribonuclease H Thành phần: - Enzyme Reverse Transcriptase, 50 μl (10.000 units tại 200 U/μl); - Dung dịch buffer 5X 1 ml; - DTT (Dithiothreitol), 500 μl (100 mM) Yêu cầu quy cách đóng gói 10.000 units/bộ	Bộ	1
94	Dung dịch nạp mẫu	Nồng độ 6X Sử dụng trên gel agarose và polyacrylamide Chất chỉ thị màu: Bromophenol Blue, Xylene Cyanol FF (XCFF) EDTA liên kết các ion kim loại hóa trị II và ức chế các nuclease phụ thuộc ion kim loại Yêu cầu quy cách đóng gói 1ml x 5 ống/bộ	Bộ	1
95	Nước xử lý DEPC	Dùng trong Sinh học phân tử Xử lý DEPC Phương pháp tinh sạch: Hấp tiệt trùng, lọc qua màng lọc Giá trị pH từ 6 - 8 Không có hoạt tính của endonuclease không đặc hiệu, exonuclease và RNase gây nhiễm Quy cách 500ml/chai	Chai	2
96	Thuốc nhuộm DNA	Công thức nhuộm axit nucleic để điện di trên gel agarose - Được cung cấp dưới dạng nguồn gốc 10.000X và tương thích với ánh sáng xanh (tối ưu) và tia UV (yếu hơn). - Không gây ung thư. - Phát hiện ít nhất 1-2 ng DNA trên mỗi dải gel. Có thể đọc được dưới mà hình LED Ứng dụng: Phát hiện dsDNA, ssDNA và RNA trong gel agarose. Nồng độ 10.000X Có thể nhuộm trước hoặc sau điện di	mL	1

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
97	Dung dịch ethanol-stabilized chloroform	Độ tinh khiết $\geq 99,8\%$ Chứa 0.5 – 1.0% ethanol Nhiệt độ sôi: 61°C (1013 hPa) Tỷ trọng 1,49 g/cm ³ (25 °C) Nhiệt độ nóng chảy: -64 °C Áp suất hóa hơi: 210 hPa (20°C) Quy cách: 2,5 lít/chai	Chai	2
98	Viên sát trùng	Thành phần: Natri Troclosene (Natri Dichloroisocyanurate) 50% Quy cách 100 viên/hộp	Hộp	5
99	Dextran T40	Dạng bột Khối lượng phân tử 40k Dalton Quy cách 500gr/chai	Chai	2
100	Polyethylene glycol (PEG 6000)	Dạng rắn Nóng chảy ở 58-63°C pH 5-7 Quy cách 5kg/chai	Chai	2
101	NaCl dạng bột	Dạng bột, tinh khiết ($\geq 99\%$) Quy cách 500gr/chai	Chai	2
102	Dung dịch chuẩn 1N NaOH 1L	Nồng độ 1,00N \pm 0,19%	Ống	1
103	Dung dịch chuẩn 1N HCl 1L	Nồng độ 1,00N \pm 0,5%	Ống	1
104	Crystal violet	Công thức phân tử: C ₂₅ H ₃₀ ClN ₃ Khối lượng phân tử: 407,98 g/mol Dạng bột Độ tinh khiết: Chuẩn phân tích Quy cách 100gr/chai	Chai	1
105	Dung dịch Tween 20	Khối lượng mol: 1228 g/mol Dạng lỏng, màu vàng pH: 6 - 8 ở 50 g/l, 20 °C Điểm chớp cháy: 275 °C Áp suất hóa hơi: < 1,4 hPa ở 20 °C Mật độ: 1,1 g/cm ³ ở 25°C Tính tan trong nước: < 0,2 mg/l ở 20 °C Quy cách 2,5 lít/chai	Chai	1
106	Ống nuôi cấy tế bào	Ống nuôi cấy tế bào 15 mL Kích thước 16 x 125 mm, đáy tròn Kiểu nắp con dấu, có ron Chất liệu: Polystyrene Đã được tiệt trùng Quy cách: 500 cái/thùng	Thùng	4

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
107	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ²	Hình dạng chai: Hình chữ nhật Kiểu cổ chai: dạng xéo Được xử lý bề mặt Phạm vi chia độ: 5-30 mL Diện tích bề mặt: 25 cm ² Thể tích nuôi: 5 - 7,5 mL Chai và nắp được xử lý vô trùng Đường kính nắp 20 mm Chất liệu nắp Polyethylene Quy cách: 20 cái/túi, 500 cái/thùng	Thùng	1
108	Đĩa 96 giếng	Đóng gói riêng từng plate, 50 cái/thùng Bề mặt nuôi cấy tế bào là bề mặt ưa nước giúp tế bào gắn kết và phát triển. Chứng chỉ: ISO 9001:2008, ISO 13485:2003 Được kiểm tra: Non-pyrogenic (< 0.5 Endotoxin Units/ml), Cytotoxicity và Độ tiệt trùng (theo ISO 11137 với SAL10 ⁻⁶) Trong suốt, có nắp, Tiệt trùng Chất liệu: Polystyrene Số giếng: 96 Thể tích: 400 µL Kích thước: 85*127 mm Hình dạng giếng: Đáy phẳng (F-well)	Cái	100
109	Ống PCR nắp phẳng 0,2ml	Thể tích 0,2 ml, nắp phẳng, không tiệt trùng Chất liệu Polypropylen Không có DNase, RNase, chất ức chế PCR	Cái	1.500
110	Ống ly tâm 50ml	Chất liệu: polypropylene trong suốt, đáy nhọn, nắp vặn Đã tiệt trùng, có vạch chia thể tích Chịu được lực ly tâm đến 20.000 xg Không chứa DNase/RNase Nhiệt độ làm việc từ -80 đến 121°C Quy cách 25 cái/gói	Gói	25
111	Ống pha loãng nhựa vô trùng 4,5ml	Tiệt trùng Nắp thông hơi có 2 vị trí đóng Thể tích: 4,5ml Chất liệu: polystyrene trong suốt Kích thước: 12,4 x 75mm Chịu được nhiệt độ từ -20 đến 60 độ C Đóng gói vô trùng từng tube Không có DNase, Rnase	Cái	2.000
112	Pipet nhựa 25ml	Thể tích sử dụng: 25 ml Chất liệu: Nhựa Polystyren Có vạch chia Độ chính xác của thể tích ± 1% Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa RNase và DNase, không chứa DNA người, không gây độc tế bào và không chứa nội độc tố	Thùng	3

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		Đã tiệt trùng bằng chùm tia điện tử (e-beam) đạt SAL 10, đóng gói từng cái Quy cách 200 cái/thùng		
113	Pipet nhựa 50ml	Thể tích sử dụng: 50 ml Chất liệu: Nhựa Polystyren Có vạch chia Độ chính xác của thể tích $\pm 1\%$ Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa RNase và DNase, không chứa DNA người, không gây độc tế bào và không chứa nội độc tố Đã tiệt trùng bằng chùm tia điện tử (e-beam) đạt SAL 10, đóng gói từng cái Quy cách 100 cái/thùng	Thùng	2
114	Lọc Syrine 0,2 μ m	Đường kính 28 mm, kích thước lỗ $\approx 0,2 \mu\text{m}$ Chất liệu: cellulose acetate không chứa surfactant Đã được xử lý vô trùng	Cái	250
115	Gel bôi trơn hậu môn	Dùng bôi trơn hậu môn Quy cách đóng gói: 82g/tuýp	Tuýp	6
116	Ống thông hậu môn size 22	Ống thông hậu môn size 22 Nhựa PVC, tiệt trùng Quy cách 100 cái/hộp	Hộp	10
117	Bình ly tâm 1000mL	Bình nhựa tròn Chất liệu: polycarbonate Đường kính khoảng 98 - 99 mm Cao khoảng 177- 178 mm Thể tích chứa 1000mL Có nắp vặn bằng polypropylene, chịu được lực ly tâm 7100xg, có thể hấp tiệt trùng	Cái	16
118	Bình nhựa lấy mẫu 1000mL	Bình nhựa miệng rộng Chất liệu: PP, thể tích chứa 1000mL Có nắp tròn đường kính tối thiểu 45mm, có thể hấp tiệt trùng	Cái	100
119	Cốc thủy tinh 1000mL	Dung tích 1000mL. Chất liệu: Thủy tinh Thành thấp Có chia vạch thể tích Có vùng ghi chú Đường kính 105mm, cao 145mm, dày 2,2mm. Quy cách: 1 cái/hộp	Cái	5
120	Phễu thủy tinh	Chất liệu: thủy tinh Borosilicate Kháng hóa chất Dạng hình nón, thiết kế phần đầu có đường kính $\geq 100\text{mm}$ Có thể hấp tiệt trùng	Cái	10

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
121	Phễu chiết thủy tinh 1000mL, khóa Teflon	Chất liệu: thủy tinh Borosilicate Hình nón, khoá thủy tinh, nút Teflon, nắp bằng nhựa PE Thể tích chứa 1000mL, có vạch chia Đường kính lỗ khoá 1,5-2,5mm Có thể hấp tiệt trùng	Cái	5
122	Bình tam giác cổ hẹp	Chất liệu: thủy tinh Dung tích 1000mL, có thang chia vạch, hình tam giác Đường kính đáy 131mm, đường kính cổ 42mm, chiều cao 220mm Có thể hấp tiệt trùng	Cái	10
123	Bi thủy tinh 3mm	Chất liệu Thủy tinh Soda-lime Đường kính 3 mm Sai số kích thước: +/-10% về kích thước hạt. Quy cách đóng gói: 454 g/hộp	Hộp	1
124	Bi thủy tinh 0,5mm	Chất liệu: Thủy tinh Soda-lime Đường kính 0,5 mm Sai số kích thước: +/-10% về kích thước hạt. Quy cách đóng gói 454 g/hộp	Hộp	1
125	Giếng chuẩn không màu dùng cho phản ứng miễn dịch	Giếng nhựa tròn, trong, đáy bằng Thể tích làm việc 350 µL Mỗi thanh 1x8 giếng Xử lý bề mặt MaxiSorp Phân tử đích: Kháng thể Yêu cầu quy cách đóng gói 640 thanh/hộp	Hộp	1
126	Đầu côn không lọc có khóa 10 µl	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường Quy cách 1000 cái/túi	Túi	1
127	Ống nhựa hút vô trùng	Dung tích: 3ml Chiều dài: 162mm Chất liệu: Polyetylen (PE) Màu sắc: trong suốt Có vạch chia 0,5 mL trên ống Vô trùng: Tiệt trùng bằng bức xạ gamma (Loại 1 chiếc/ túi)	Cái	2.000
128	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	Hộp 81 vị trí (9x9) Chất liệu: polycarbonate, chịu được hóa chất Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần Có đánh dấu dạng lưới Tương thích với các microtube 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và các ống lưu mẫu Chịu được nhiệt độ từ -196 độ C đến 121 độ C	Cái	20
129	Môi trường skim milk	Thành phần như sau (g/l): Skim Milk 100,0	Hộp	1

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		pH cuối cùng $6,3 \pm 0,2$ tại 25°C . Đóng gói: 500g/hộp		
130	Ống ly tâm đáy nhọn 5ml có nắp	Loại không tiết trùng Nắp bật, có vạch chia thể tích Thể tích làm việc: 5ml Vật liệu: polypropylene, đáy hình nón Không chứa DNase/RNase Chịu được lực ly tâm tối đa 25.000 vòng/phút	Cái	500
131	Màng lọc Syringe 0,45 μm tiết trùng	Màng lọc làm từ Surfactant-free Cellulose Acetate (SFCA), có đầu để gắn syringe Kích thước 200 x 130 x 100mm Kích thước lỗ lọc 0,45 μm	Cái	200
132	Cơ chất TMB-H ₂ O ₂	Thành phần: 3,3',5,5'- tetramethylbenzidine trong một đệm axit. - H ₂ O ₂ Quy cách: 2 chai x450mL/ bộ	Bộ	3
133	Bơm tiêm 5ml	Chất liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: nhựa PP Chất liệu làm thân kim: thép không gỉ Kích cỡ kim: 25G x 1" Quy cách 100 cái/hộp	Hộp	2
134	Sinh phẩm, hóa chất dùng cho máy giải trình tự SeqStudio Genetic Analyzer 3500 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P50010)			
134.1	Kit đánh dấu dùng cho Giải trình tự	- Bộ kit cho giải trình tự gen kèm dung dịch đệm chạy trên máy điện di mao quản - Được sử dụng cho các ứng dụng: Giải trình tự vùng giàu AT (>65%), giải trình tự so sánh (đột biến dòng mầm – 50:50), giải trình tự vùng giàu GC (>65%), phát hiện bazơ hỗn hợp, giải trình tự đọc dài, giải trình tự lại, giải trình tự de novo – thông lượng cao (cDNA), giải trình tự khuôn mẫu giàu GT hoặc khuôn mẫu khó. - Sử dụng cho các thiết bị giải trình tự gen nguyên lý Sanger và điện di mao quản. - Quy cách đóng gói 100 phản ứng/hộp	Hộp	2
134.2	Kit tinh sạch sản phẩm PCR bigdye giải trình tự	- Dùng loại bỏ các muối và chất kết thúc BigDye chưa hợp nhất. - Sản phẩm cuối: DNA - Thời gian làm việc: 40 phút - Thành phần: - Dung dịch XTerminator (bảo quản ở 4°C) - Dung dịch SAM - Quy cách đóng gói 100 test/hộp	Hộp	1
134.3	Ống mao quản 24 cap	- Mao quản được dùng cho hệ thống SeqStudio 24 Flex Genetic Analyzer cho các ứng dụng phân tích đoạn, giải trình tự gen và phân tích chất lượng protein - Chiều dài mao quản: 50cm - Mao quản được tối ưu cho các rất nhiều ứng dụng và sử dụng cùng với Pop 7, Pop 6 và Pop 4.	Hộp	1

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		- Được tích hợp thẻ nhận dạng tần số vô tuyến (RFID) trên nhãn, cho phép xem, theo dõi và báo cáo các thông tin quan trọng về thuốc thử và vật tư tiêu hao, bao gồm mức độ sử dụng, số lô, mã sản phẩm, hạn sử dụng và thời gian sử dụng trên thiết bị. Quy cách đóng gói 1 array/hộp		
134.4	Dung dịch buffer anode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	- Khay chứa đệm điện di dạng 1x sử dụng trên các dòng máy 3500. - Trên khay gắn nhãn nhận dạng tần số vô tuyến (RFID) - Dùng cho các dòng máy giải trình tự 3500 và Seqstudio Flex - Dạng sẵn sàng sử dụng (ready to use), ở phía trên của khay đệm được hàn nhiệt bằng màng nhựa, cần được tháo bỏ trước khi lắp trực tiếp lên thiết bị Quy cách đóng gói 4 pack/ hộp	Hộp	1
134.5	Dung dịch buffer cathode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	- Khay chứa đệm điện di dạng 1x sử dụng trên các dòng máy 3500. - Có 2 ngăn riêng biệt, trong đó ngăn bên trái cung cấp bộ đệm cực âm cho điện di và bên phải cung cấp chức năng rửa mao quản và đẩy chất thải polyme đã sử dụng giữa các lần bơm mẫu - Trên khay gắn nhãn nhận dạng tần số vô tuyến (RFID) - Dùng cho các dòng máy: 3500 Series Genetic Analyzers, SeqStudio Flex Series Genetic Analyzers Quy cách đóng gói 4 pack/ hộp	Hộp	1
134.6	Miếng đệm dung dịch đệm điện cực Cathode buffer	Dùng để đệm Cathode Buffer cho máy SeqStudio. Tấm đệm tương thích với 2 ngăn của Cathode Buffer Container Quy cách 10 miếng/ hộp	Hộp	1
134.7	Gel dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	- Polyme POP7 là ma trận phân tách cho ứng dụng điện di mao quản, dùng trên máy 3500 Được tối ưu hóa cho giải trình tự đọc trình tự ngắn tới dài và phân tích đoạn. - Dễ sử dụng: được pha chế sẵn và đựng trong túi dùng một lần, giúp tiết kiệm thời gian, đảm bảo độ tin cậy và tính nhất quán - Công thức mạnh mẽ: được xây dựng cho các ứng dụng phân tích trình tự và phân tích đoạn. - Cho phép sử dụng mao quản nhiều lần. - Được cung cấp theo dạng túi 384 mẫu Quy cách 384 phản ứng/ hộp	Hộp	1
134.8	Dung dịch đệm 5X dùng chung với kit PCR bigdye giải trình tự sanger	- Nồng độ 5X - Dung dịch đệm giải trình tự này được tối ưu hóa để sử dụng với bộ kit BigDye Terminator v1.1 và v3.1 Cycle Sequencing. - Yêu cầu quy cách đóng gói 1ml/ống	Ống	1
134.9	Đĩa 96 giếng dùng cho máy giải trình tự sanger thế hệ 3500	- Đĩa 96 giếng thể tích 0,2ml - Dùng được trên hệ thống máy giải trình tự điện di mao quản thế hệ 3500 - Yêu cầu quy cách đóng gói 10 đĩa/hộp	Hộp	2

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
134.10	Nắp dùng cho đĩa 96 giếng, tương thích với hệ thống phân tích gene 3500, 3500xL và SeqStudio Flex	Nắp cao su dùng cho đĩa 96 giếng, tương thích với hệ thống phân tích gene 3500, 3500xL và SeqStudio Flex Quy cách 10 đĩa/hộp	Hộp	1
135	Vật tư tiêu hao dùng cho máy realtime PCR ABI7500 Fast do Viện đang sở hữu và sử dụng (MSKK: 8075)			
135.1	Dây ống 0,1ml quang học 8 vị trí	Chất liệu: Nhựa polypropylene Thể tích làm việc 0,1ml Không chứa DNase, Rnase Quy cách: 125 dây/hộp	Hộp	2
135.2	Dây nắp quang học 8 vị trí	Dây 8 nắp quang học Chất liệu: nhựa polypropylene Dây 8 nắp phù hợp với ống đơn 0,2 mL, dây 8 ống (thể tích 0,1 hoặc 0,2 mL), hoặc đĩa 48 hoặc 96 giếng. Không chứa DNase/Rnase Quy cách: 300 strips/hộp	Hộp	1
136	Hóa chất, vật tư tiêu hao dùng cho máy giải trình tự Illumina Miseq do Viện sở hữu và sử dụng (MSKK: 8088)			
136.1	Bộ chuẩn thư viện PhiX v3	- Nồng độ: 10nM trong 10 ul, kích thước trung bình 500 bp và cân bằng ở ~45% GC và ~55% AT + Đối chứng quá trình tạo cluster, giải trình tự và đối chiếu trình tự tham chiếu + Đối chứng nồng độ cao với các mẫu không cân bằng (bộ gen có hàm lượng AT hoặc GC dưới 40% hoặc hơn 60%) + Đối chứng nồng độ thấp + Đối chứng để tính toán các thông số giải trình tự bằng sinh tổng hợp (SBS) như chia pha và tỉ lệ lỗi. - Acid nucleic: DNA	Bộ	1
136.2	Bộ kit chuẩn bị thư viện DNA	Dùng để chuẩn bị thư viện, cho phép giải trình tự bộ gen lớn, nhỏ và các amplicon Tích hợp các bước phân mảnh, chuẩn bị thư viện và định lượng thư viện Thời gian thực hiện: (bao gồm tách chiết, chuẩn bị thư viện, định lượng thư viện): 3-4 giờ Loại DNA đầu vào: DNA, máu, nước bọt, sản phẩm PCR, đốm máu khô, ... Lượng DNA đầu vào yêu cầu: 1–500 ng đối với hệ gen nhỏ, 100–500 ng đối với hệ gen lớn Khả năng multiplexing: Hỗ trợ lên đến 384 index Tagmentation trên hạt, sử dụng các transposome gắn trên hạt để thực hiện phản ứng tagmentation đồng đều hơn so với các phản ứng tagmentation trong dung dịch Quy cách đóng gói 96 mẫu/bộ	Bộ	1

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
136.3	Kit giải trình tự whole genome	- Sử dụng công nghệ nhận dạng bằng sóng vô tuyến (RFID) - Cung cấp hóa chất cho 300 chu kỳ giải trình tự - Dữ liệu đầu ra tối đa: 5,1 Gb - Đóng gói: 300 chu kỳ/bộ	Bộ	3
136.4	IDT for Illumina DNA/RNA UD Indexes setA, Tagmentation	Gồm 96 index cho 96 mẫu Quy cách 96 mẫu/bộ	Bộ	1
137	Hóa chất, Vật tư tiêu hao dùng kèm thiết bị đo huỳnh quang Qubit 2.0 của Viện sở hữu và đang sử dụng (Chưa có MSKK)			
137.1	Hóa chất đo nồng độ DNA mạch đôi	Đo DNA có nồng độ thấp, đề kháng với các tạp chất như muối, nucleotide tự do, ARN, chất tẩy rửa hoặc protein DNA đầu vào dao động 0,005 – 120ng/μL Phương pháp phát hiện: Huỳnh quang. Phạm vi phát hiện từ 0,1-120 ng. Bước sóng kích thích/phát xạ: 510/527 nm Hệ thống sử dụng: Qubit Fluorometer (máy đo huỳnh quang Qubit) Kích thước ống sử dụng: Ống PCR 0,5 mL thành mỏng, trong suốt. Bộ kit bao gồm thuốc thử, dung dịch pha loãng và các mẫu chuẩn DNA nồng độ: 0 ng/μL và 10 ng/μL. Đóng gói: 500 phản ứng/bộ	Bộ	1
137.2	Ống đo nồng độ DNA	Thể tích 500μL Chất liệu: Polypropylene, thành mỏng Đóng gói: 500 cái/túi	Túi	2

Phụ lục II

BIỂU MẪU BẢNG BÁO GIÁ (ĐỂ NHÀ CUNG CẤP THAM KHẢO)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các (Tên hàng hóa) như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	STT trong danh mục yêu cầu của Viện	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, nhãn hiệu, model, mã hàng	Hãng sản xuất ⁽³⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Năm sản xuất (nếu có) ⁽⁵⁾	Mã HS (nếu có) ⁽⁴⁾	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính (ghi theo yêu cầu báo giá của Viện)	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá có VAT ⁽⁸⁾ (VND)	Mức thuế (ghi % thuế 5 hoặc 8 hoặc 10)
1		...										
2											
n		...										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại mục 5 của yêu cầu báo giá], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽⁹⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế (nếu hàng hóa được phân loại là thiết bị y tế).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất (nếu có), xuất xứ của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá đã bao gồm thuế tương ứng với từng hàng hóa.

(9) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.